

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện trợ cấp hàng tháng
cho thanh niên xung phong năm 2023 theo quy định tại Quyết định
số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về
việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng
Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành
nhiệm vụ trong kháng chiến;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH- BTC-BNV ngày
16/4/2012 của các Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ,
Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với TNXP đã hoàn thành
nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày
27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị
định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh
Thanh Hóa về việc Giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi
ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023 của tỉnh
Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 17/2/2023 của Chủ tịch UBND
tỉnh về việc phê duyệt chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn
thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg của Thủ
tướng Chính phủ; Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh
Thanh Hóa về việc xác nhận phiên hiệu Thanh niên xung phong đối với 11 đơn
vị Thanh niên tình nguyện được thành lập trước 30/4/1975;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3988/TTr-STC
ngày 12/7/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung năm 2023 theo quy định tại Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ, với các nội dung như sau:

1. Đối tượng, mức trợ cấp**1.1. Đối tượng**

- Đối tượng được xét hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng là thanh niên xung phong tập trung tham gia kháng chiến hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương không còn khả năng lao động và sống cô đơn, không nơi nương tựa.

- Đối tượng được xét hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng thì không hưởng chế độ trợ cấp một lần theo quy định tại Điều 2 Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BNV ngày 16/4/2012 của các Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

1.2. Mức trợ cấp

- Mức trợ cấp hàng tháng bằng 540 nghìn đồng/người/tháng.
- Thời điểm hưởng: từ tháng 01 năm 2023.

2. Số đối tượng thụ hưởng và kinh phí thực hiện

2.1. Số đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng: 27 người.

2.2. Kinh phí thực hiện: 174.960 nghìn đồng.

(Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy tư triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng)

(Chi tiết tại phụ biểu kèm theo).

2.3. Nguồn kinh phí: Nguồn chi sự nghiệp đảm bảo xã hội (dự kiến đối tượng tăng thêm và đảm bảo xã hội khác) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Căn cứ các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này, Sở Tài chính thông báo bổ sung có mục tiêu để các huyện, thị xã, thành phố liên quan chi trả cho các đối tượng được hưởng trợ cấp từ tháng 01 năm 2023 đến hết tháng 12 năm 2023. Từ năm 2024, bố trí kinh phí này trong dự toán chi thường xuyên của các huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố liên quan tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp cho các đối tượng theo đúng quy định. Đồng thời, lưu giữ hồ sơ đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định để phục vụ cho công tác kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện việc chi trả, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo chế độ hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT, V_{X_{NCC}76}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A large, stylized handwritten signature in blue ink, likely belonging to the official mentioned in the text below.

Đầu Thanh Tùng

**Phụ biểu: TỔNG HỢP DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ TRỢ CẤP
HÀNG THÁNG CHO THANH NIÊN XUNG PHONG NĂM 2023**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh)

DVT: nghìn đồng

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Mức trợ cấp khởi điểm (nghìn đồng/tháng)	Thời điểm hưởng chế độ	Số tháng được hưởng chế độ trong năm 2023	Kinh phí	Ghi chú
I	Thị xã Nghi Sơn						6.480	
1	Nguyễn Thị Thôn	1956	Phường Tân Dân	540	01/2023	12	6.480	
II	Huyện Yên Định						6.480	
1	Trịnh Thị Duyên	1954	Xã Yên Thịnh	540	01/2023	12	6.480	
III	Huyện Vĩnh Lộc						6.480	
1	Dương Thị Sơn	1957	Xã Ninh Khang	540	01/2023	12	6.480	
IV	Huyện Quảng Xương						19.440	
1	Văn Thị Sen	1936	Xã Quảng Giao	540	01/2023	12	6.480	
2	Nguyễn Thị Đăng	1952	Xã Quảng Giao	540	01/2023	12	6.480	
3	Trương Thị Việt	1943	Xã Quảng Hải	540	01/2023	12	6.480	
V	Huyện Hậu Lộc						136.080	
1	Hoàng Thị Thảo	1954	Xã Tiến Lộc	540	01/2023	12	6.480	
2	Nguyễn Thị Đuộm	1954	Xã Hưng Lộc	540	01/2023	12	6.480	
3	Vũ Thị Thời	1952	Xã Hưng Lộc	540	01/2023	12	6.480	
4	Lê Thị Tơ	1956	Xã Minh Lộc	540	01/2023	12	6.480	
5	Nguyễn Thị Thá	1946	Xã Minh Lộc	540	01/2023	12	6.480	
6	Nguyễn Thị Cẩn	1948	Xã Xuân Lộc	540	01/2023	12	6.480	
7	Hoàng Thị Nôi	1955	Xã Phú Lộc	540	01/2023	12	6.480	
8	Lường Hồng Sơn	1954	Xã Phú Lộc	540	01/2023	12	6.480	
9	Đoàn Thị Xong	1954	Xã Phú Lộc	540	01/2023	12	6.480	
10	Biện Thị Xuân	1947	Xã Hòa Lộc	540	01/2023	12	6.480	
11	Lê Thị Hoa	1952	Xã Hòa Lộc	540	01/2023	12	6.480	
12	Lê Thị Sự	1947	Xã Hòa Lộc	540	01/2023	12	6.480	
13	Đỗ Thị Lực	1947	Xã Hòa Lộc	540	01/2023	12	6.480	
14	Nguyễn Thị Toan	1954	Xã Liên Lộc	540	01/2023	12	6.480	
15	Nguyễn Thị Hộ	1958	Xã Hải Lộc	540	01/2023	12	6.480	

